

Bản án số: 67 /2026/HS-ST
Ngày: 28 - 5 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Hoan;

2. Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Thanh Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2026/TLST-HS ngày 04/5/2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Lâm H** (tên gọi khác: Bảy lế) - Sinh ngày: 19/6/1994, tại tỉnh Đắk Lắk; số Căn cước công dân: 054094010455; nơi cư trú: A N, phường T, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Như T, sinh năm 1957 và bà Lâm Tường V, sinh năm 1962; bị cáo có vợ là Trần Ngọc Khánh V1 (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không có

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự: Anh Phạm Đăng K, sinh năm 1996; địa chỉ: Khu phố P, phường T, tỉnh Đắk Lắk, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Trần Ngọc Khánh V1, sinh năm 1997; địa chỉ: Khu phố P, phường T, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2. Anh Lê Văn T1, sinh năm 1995; địa chỉ: F H, phường T, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3. Anh Phạm Tấn T2, sinh năm 1996; địa chỉ: E L, phường T, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4. Anh Phạm Đình V2, sinh năm 1987; địa chỉ: A N, phường T, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1993; địa chỉ: Lô H, tổ A, khu phố Đ, phường T, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Nhất N, sinh năm 1992; địa chỉ: 2 N, phường T, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 12/02/2025, sau khi nhậu xong, Lê Lâm H điều khiển xe mô tô biển số 78AB - 132.43 đến quán H2, địa chỉ tại F đường H, phường T, tỉnh Đắk Lắk để hát Karaoke. Trên đường đi, khi đi đến trước Trường Mầm non trên đường H, thì H dừng lại để đi vệ sinh và thấy 01 con dao làm bằng kim loại dài 21,5cm, cán dao quấn dây màu đen, phần lưỡi dao có chữ HALLER ở bên đường nên H đã nhặt con dao và cất giấu vào túi quần Jean phía trước bên phải. Khi đi ngang qua quán N1, địa chỉ G đường H, thì H thấy anh Phạm Đăng K và chị Trần Ngọc Khánh V1 (là vợ cũ của H) đang ăn nhậu tại quán, do trước đây có mâu thuẫn và có bị anh K, chị V1 đánh, nên H dừng xe mô tô trước quán N1 tìm anh K và chị V1 để nói chuyện.

Sau đó, H đi bộ vào quán, nhìn thấy chị V1 và anh K đang ngồi nhậu cùng với Lê Văn T1, Phạm Tấn T2, Trần Quốc H1, Nguyễn Đức Cường V3 và một số người khác, thì H đi vào bàn của anh K. Lúc này, thấy H đi vào bàn thì anh K đứng dậy, H nghĩ K đứng dậy đánh mình nên H lấy con dao trong túi quần bên phải ra và dùng tay phải cầm dao đâm nhiều nhất về hướng người anh K trúng vào cẳng tay phải và thành ngực trái của K gây thương tích, thì anh H1 đến can ngăn, cùng lúc đó anh K ném ly thủy tinh trúng vai của H nhưng không có thương tích. Sau đó anh K được anh V3 chở đi cấp cứu, còn H đi ra trước quán ném con dao tại gốc cây trên vỉa hè phía tây đường H rồi đi về.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 80/KLTTCT-PYPY ngày 07/3/2025 của Trung tâm Pháp y tỉnh P (cũ) kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Phạm Đăng K là 02%, do vật sắc nhọn gây ra.

Tại bản Kết luận giám định số 410/KL-KTHS ngày 18/6/2025 của Phòng K1, Công an tỉnh P (cũ) kết luận: 01 con dao hiệu “HALLER” bằng kim loại dài 21,5cm, có một cạnh sắc, mũi nhọn là “Dao găm” thuộc Phụ lục 3 “Danh mục vũ khí thô sơ” theo Thông tư 75/2024/TT/BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C.

Ngày 13/3/2025, anh Phạm Đăng K có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự và không yêu cầu bồi thường dân sự.

Tại bản Cáo trạng số: 75/CT-VKSĐL, ngày 22/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố Lê Lâm H về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo Lê Lâm H đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và khẳng định hành vi của bị cáo Lê Lâm H đã phạm tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự; đồng thời phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Lâm H mức án tù 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu, tiêu hủy vật chứng là 01 con găm màu đen trên phần thân có chữ HALLER và 01 ly thủy tinh bị vỡ một phần, không còn giá trị sử dụng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì và chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Lê Lâm H tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, cơ bản phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 00 giờ 10 phút ngày 12/02/2025, Lê Lâm H nhặt được 01 (một) con dao găm làm bằng kim loại dài 21,5cm. Do trước đó, giữa H và anh Phạm Đăng K có xảy ra mâu thuẫn và anh K có đánh H, nên khi thấy anh K đang ăn nhậu cùng với chị Trần Ngọc Khánh V1 (là vợ cũ của H) tại quán N1, địa chỉ G đường H, phường T, tỉnh Đắk Lắk, thì H đã đi đến quán nhậu và dùng con dao găm đâm trúng vào cẳng tay phải và thành ngực trái của anh K, hậu quả làm cho anh K bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02%. Kết luận giám định xác định con dao gửi đến giám định là “Dao găm” thuộc Phụ lục 3 “Danh mục vũ khí thô sơ” theo Thông tư 75/2024/TT/BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C.

Như vậy, bị cáo Lê Lâm H đã sử dụng con “Dao găm” với mục đích xâm phạm sức khỏe của người khác trái pháp luật, nên theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024 thì dao găm (thuộc danh mục vũ khí thô sơ) là vũ khí quân dụng. Do đó, hành vi

của bị cáo Lê Lâm H đã phạm tội “*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự.

Điều 304 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm.

[3] Bị cáo là công dân có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân, bị cáo biết được rằng hành vi sử dụng dao gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do có mâu thuẫn cá nhân mà bị cáo đã không làm chủ được bản thân và đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm các quy định của Nhà nước về chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán và quản lý vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự; đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an chung của xã hội. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội đã thực hiện.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; trong giai đoạn điều tra, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 3.000.000 đồng tại Cơ quan thi hành án dân sự để bồi thường chi phí điều trị thương tích cho anh Phạm Đăng K; trước ngày mở phiên tòa, anh Phạm Đăng K đã có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử cần xem xét và giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo tự cải tạo tại chỗ, dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình là phù hợp, như vậy cũng đảm bảo được việc cải tạo, giáo dục bị cáo. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với pháp luật, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Nguyên đơn dân sự anh Phạm Đăng K không yêu cầu bồi thường thiệt hại về chi phí điều trị thương tích và các khoản chi phí phát sinh khác. Xét thấy, việc nguyên đơn dân sự không yêu cầu bồi thường dân sự là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết là phù hợp.

Đối với số tiền bị cáo Lê Lâm H tự nguyện nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 - Đăk Lăk là 3.000.000 đồng, theo Biên lai thu tiền số 0000073 ngày 09/01/2026, để bồi thường cho anh Phạm Đăng K. Tuy nhiên do anh K không yêu cầu bồi thường dân sự, nên cần trả lại số tiền này cho bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ đồ vật, gồm: 01 (một) con dao màu đen dài 21,5cm cán dao bằng kim loại có quấn sợi dây

vải màu đen, có phần lưỡi dài 10cm, rộng 02cm, dày 04mm có cạnh sống, 01 lưỡi sắt và có mũi nhọn trên phần thân có chữ “HALLER” và 01 (một) cái ly thủy tinh bị vỡ một phần, loại ly có quay, kích thước cao 11cm, đường kính 7,5cm, dày 05mm. Đây là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy là đúng đắn.

[8] Về án phí: Bị cáo Lê Lâm Hậu B1 tuyên phạm tội, nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Lâm H (tên khác: Bảy lẻ) phạm tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 304; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Lê Lâm H (tên khác: Bảy lẻ) 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Lâm H cho Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đắk Lắk, để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao màu đen dài 21,5cm cán dao bằng kim loại có quần sợi dây vải màu đen, có phần lưỡi dài 10cm, rộng 02cm, dày 04mm có cạnh sống, 01 lưỡi sắt và có mũi nhọn trên phần thân có chữ “HALLER” và 01 (một) cái ly thủy tinh bị vỡ một phần, loại ly có quay, kích thước cao 11cm, đường kính 7,5cm, dày 05mm (Vật chứng có đặc điểm cụ thể theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 23/4/2026, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk và Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk).

- Trả lại cho bị cáo Lê Lâm H số tiền 3.000.000 đồng (do bị cáo tự nguyện nộp để bồi thường) theo Biên lai thu tiền số 0000073 ngày 09/01/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 - Đắk Lắk. Tuy nhiên, cần tạm giữ lại số tiền 200.000 đồng để đảm bảo công tác thi hành án phần án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về bồi thường thiệt hại: Do nguyên đơn dân sự anh Phạm Đăng K không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên không đề cập giải quyết.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Lâm H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa PT TANDTC tại Đà Nẵng;
- Viện PT VKSNDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk ;
- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Người tham gia tố tụng;
- THADS tỉnh Đắk Lắk
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình